

Chuyển đoạn văn sau từ Tiếng Anh sang Tiếng Việt

In the future all cars, buses and trucks will be driverless. The only people travelling inside these vehicles will be passengers.

To begin with the drawbacks, driverless cars pose some risks such as accidents and casualties, if the technology malfunction (cấu trúc MĐQH). Since the software and technology control the vehicles, the risk of devastating accidents due to bugs or hacking is higher (câu bị động). It will make us more susceptible to hackers and software glitches (câu chủ ngữ giả). An accident, in which a woman died, caused by a driverless car while still in beta mode, caused a great uproar a few years ago (trạng từ lên đầu). Moreover, not all roads, especially those in poor nations with ditches, holes and insufficient road signals, are suitable for those automated cars to run smoothly (Câu đk loại 1). As such, investing a large amount of money into reconstructing infrastructure is needed for this to work. (đảo ngữ)

1. Điều bất ngờ là giá xăng dầu trong nước đã trải qua 1 sự tăng chưa từng xuất hiện trong 4 thập kỷ qua
2. Facebook có 1 tính năng rất hay là giúp mọi người kết nối với nhau dễ dàng hơn và nhanh hơn.
3. Chỉ có thể bằng cách là giúp cho những người đang có vấn đề về sức khỏe tinh thần cảm thấy bớt cô đơn hơn, họ mới dần quay trở lại hòa nhập với người thân và cộng đồng.
4. Phát triển kinh tế đã luôn được ưu tiên trong quá trình phát triển đất nước, đặc biệt là những quốc gia đang phát triển
5. Nó rất thiếu yếu là phải kêu gọi 1 sự bảo vệ toàn quốc gia bởi vì những cuộc biểu tình diễn ra ở khắp nơi trên đất nước.
6. Nếu những hành động không được đưa ra, sẽ có thêm nhiều hậu quả.

1. Cấu trúc nuốt:

Example: "Some prefer quiet countryside; others, bustling cities."

2. Câu chẻ:

Example: "It was during my trip to Spain that I truly understood the importance of cultural exchange"

3. Mệnh đề phân từ:

Example: "Feeling motivated after the seminar, I decided to pursue higher education"

4. Not only...but also:

Example: "Not only is learning a new language challenging, but it also offers immense cognitive benefits"

5. The more...the more:

Example: "The more I practice speaking English, the more confident I become"

6. Mệnh đề danh ngữ

Example: "What I love most about English is its richness and versatility, which allows for expressive communication."

7. Apart from + N/v-ing

Example: "I study mostly in the evenings, apart from weekends, when I join a language exchange group."

8. Seeing that + MĐ

Example: "Seeing that I plan to study abroad, mastering English is essential"